

Quân Đoàn 1 QLVNCH Tan Rã Trong Cuộc Rút Lui Khỏi Vùng I Chiến Thuật

Vann Phan

Quân và dân Miền Nam Tự Do đã mất hết tinh thần chiến đấu trước cuộc tổng tấn công của các lực lượng Cộng Sản Bắc Việt, Quân Đoàn 1 QLVNCH, v.n g đất được cho là sẽ bị bỏ lại cho Cộng Sản trong kế hoạch “co cụm” lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa, đã mau lẹ rơi vào tình trạng hầu như “không đánh mà tan” chỉ trong vòng chưa đầy hai tuần lễ.

Nếu cuộc lấn chiếm Phước Long đã kích lệ tham vọng đánh chiếm miền Nam Việt Nam của các lực lượng Cộng Sản tấn công, vì Hoa Kỳ (dưới chính quyền Gerald Ford) đã không chịu trả đũa Cộng Sản Bắc Việt như cựu Tổng Thống Richard Nixon đã hứa, thì cuộc di tản hỗn độn và bi thảm của Quân Đoàn 2 QLVNCH (về hướng Nha Trang và Sài Gòn) đã làm cho quân và dân Miền Nam Tự Do mất hết tinh thần chiến đấu.

Biến cố này xác nhận việc Hoa Kỳ đã dứt khoát cắt hết viện trợ và bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa, dẫn đến mối lo sợ tột cùng rằng việc Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã quyết định chỉ giữ lại Vùng III và Vùng IV và bỏ Vùng I và Vùng II lại cho Cộng Sản là sự thật 100 phần trăm chứ không còn là lời đồn đoán mơ hồ nữa.

Tâm tr.n g hoang mang của quân và dân miền Nam Việt Nam sau Hiệp Định Paris 1973

Khi Quân Đoàn 2 và Quân Khu 2 khởi sự bị các lực lượng Cộng Sản Bắc Việt tấn công dữ dội để rồi thất thủ vào Tháng Ba, 1975, nỗi lo

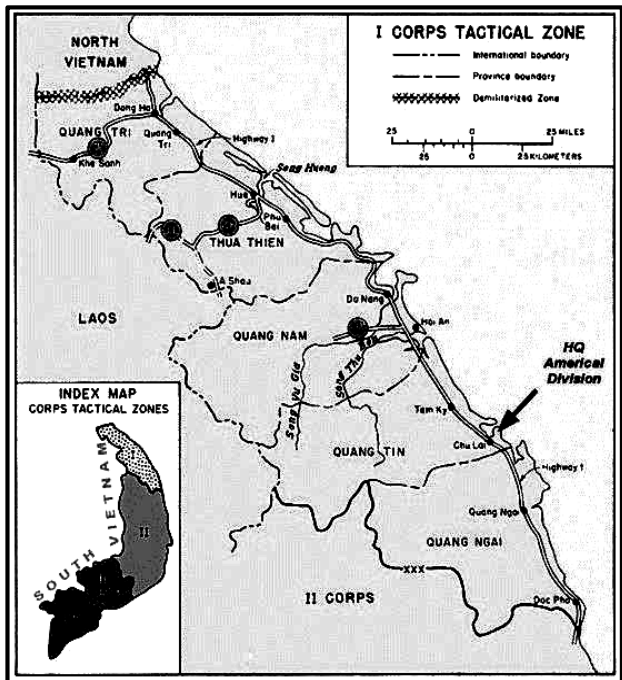
âu rằng Hoa Kỳ đành đoạn bỏ rơi miền Nam Việt Nam lại cho Cộng Sản muốn làm gì thì làm đã trở thành một sự thật cay đắng, nhất là sau khi Hoa Kỳ đã đạt được Hiệp Định Paris 1973 với Cộng Sản Quốc Tế để có thể rút toàn bộ quân đội của họ ra khỏi Việt Nam “trong danh dự,” và sau khi những tù binh Mỹ cuối cùng đã được hồi hương.

Đó chính là hậu quả trông thấy của việc Quốc Hội Mỹ, kể năm hầu bao trong mọi cuộc tiêu pha của chính phủ và quân đội Hoa Kỳ, đã dứt khoát không chi thêm một đô la nào nữa cho cuộc Chiến Tranh Việt Nam. Từ \$1 tỷ rưỡi trong những năm trước đó, viện trợ kinh tế và quân sự cho Việt Nam Cộng Hòa sau năm 1973 đã bị cắt giảm gắt gao, cụ thể là đến tài khóa 1974-1975 thì chỉ còn lại \$750 triệu, tức là, trên thực tế, chỉ còn có \$350 triệu dùng được sau khi khoản viện trợ đó đã bị trừ đi

chi phí \$300 triệu dành cho phái bộ quân sự Mỹ (DAO, Defense Attaché Office, Saigon) còn lưu lại miền Nam Việt Nam cho đến cuối Tháng Tư, 1975.

Viễn tượng Việt Nam Cộng Hòa sắp bị bỏ rơi nửa chừng, cho dù Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã trở nên ngày càng hùng mạnh và có thừa khả năng một mình chiến thắng quân Cộng Sản Bắc Việt xâm lược nếu được võ trang và tiếp tế đầy đủ như thời gian trước Hiệp Định Paris 1973, đã làm cho tinh thần của quân và dân Miền Nam Việt Nam mau lẹ suy sụp.

Ngón đòn cắt giảm viện trợ Mỹ để gây áp lực buộc chính phủ Việt Nam Cộng Hòa phải nhượng đất cho Cộng Sản hoặc gia nhập vào



một chính phủ liên hiệp với phe Cộng Sản, trên thực tế, đã gây thiệt hại nặng nề cho nỗ lực chiến đấu chống lại cuộc xâm lược miền Nam Việt Nam của Cộng Sản Bắc Việt.

Về mặt kinh tế, những đợt cắt giảm viện trợ tài chánh liên tiếp trong những năm 1973-1975 đã làm cho đồng bạc Việt Nam Cộng Hòa bị phá giá trầm trọng, và mức sống của những người có đồng lương cố định, như giới quân nhân và công chức, tại miền Nam Việt Nam bị sa sút thê thảm.

Về mặt quân sự, việc cắt giảm mức tiếp đạn được và quân trang, quân dụng cho miền Nam Việt Nam trong khi chiến cuộc đang gia tăng cường độ đã đặt các đơn vị Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vào thế hết sức bất lợi. Bởi vì các tiền đồn hẻo lánh không được trọng pháo và phi cơ yểm trợ, cho dù đó là một trận đánh lớn của địch cỡ cuộc tấn công vào Tiểu Khu Phước Long hồi cuối năm 1974 hoặc là một trận đánh nhỏ vào xã Khánh An ở Thới Bình thuộc tỉnh An Xuyên (Cà Mau) hồi đầu năm 1975.

Quân Đoàn 1 tan rã

Ngày 14 Tháng Ba, 1975, trong một cuộc họp tại Dinh Độc Lập, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cho biết Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH quyết định rút bớt Lữ Đoàn 1 và Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù từ Quân Đoàn 1 về để bảo vệ thủ đô Sài Gòn, đồng thời ra lệnh cho Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Quân Đoàn 1 và Quân Khu 1, rút quân từ các nơi khác về phòng thủ vùng duyên hải từ Huế và Đà Nẵng cho tới Chu Lai trong kế hoạch “co cụm” lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa về hướng Quân Khu 3 và Quân Khu 4.



Ngày 19 Tháng Ba, tức là chỉ ba ngày sau khi các lực lượng Quân Đoàn 2 khởi sự cuộc di tản công kênh và đẫm máu – vì quân và dân lẫn lộn – khỏi Cao Nguyên trên liên tỉnh lộ 7B, các lực lượng Quân Khu 1, trong đó có Thủy Quân Lục Chiến, khởi sự rút khỏi Quảng Trị, về lập phòng tuyến ở Mỹ Chánh ở phía Bắc Huế.

Tuy nhiên, đến tối ngày 20 Tháng Ba, Tổng Thống Thiệu lại ra lệnh rút nốt Lữ Đoàn 2 Dù về Sài Gòn. Thế là Quân Khu 1 chỉ còn có Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến tăng phái cho Quân Đoàn mà thôi, lúc đó gồm có các Sư Đoàn 1, 2 và 3. Tướng Trưởng đâm ra bối rối trước sự thế quân Cộng Sản Bắc Việt ngày càng gây áp lực nặng nề, với thêm bốn sư đoàn sẵn sàng vượt sông Bến Hải và kết hợp với các đơn vị của Cộng Quân đã có sẵn tại vùng Hỏa Tuyến nhằm tiến chiếm toàn bộ Quân Khu 1.

Ngày 21 Tháng Ba, Cộng Quân đã cắt đứt Quốc Lộ 1 ở Truồi (giữa Huế và Đà Nẵng) và đóng chốt ở đèo Phú Gia. Như thế, đoạn đường bộ giữa Huế và Đà Nẵng đã bị Cộng Quân khống chế. Ngày 25 Tháng Ba, Tướng Trưởng quyết định cho các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến rút ra cửa Thuận An trong khi Sư Đoàn 1 Bộ Binh, Biệt Động Quân và Địa Phương Quân được lệnh xuống cửa Tư Hiền để các tàu của Hải Quân VNCH đến đón.

Trong tình thế hỗn độn khi quân và dân Vùng I chen chúc nhau chạy loạn giữa những đợt pháo kích truy đuổi của Cộng Quân, cả hai đoàn quân rút lui nói trên đã tan rã tại hai cửa biển này, và khi về tới Đà Nẵng thì chỉ còn lại một phần ba quân số. Cuộc rút lui của Sư Đoàn 2 Bộ Binh tương đối thành công hơn chút đỉnh vì họ chỉ phải di chuyển từ Chu Lai ra bờ biển để được tàu Hải Quân chở ra Cú Lao Ré ở gần đó, vì thế hơn phân nửa sư đoàn này đã về tới Bình Tuy.

Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, vị tướng nổi tiếng trong sạch, từng chiến thắng lẫy lừng trận Quảng Trị 1972. Đức thanh liêm, trong sạch của Trung Tướng Ngô Quang Trưởng được người dân miền Nam ca ngợi bằng câu về dân gian: **Nhất Thắng, nhì Chinh, tam Thanh, tứ Trưởng** (tức các vị Trung Tướng Nguyễn Đức Thắng, Thiếu Tướng Phan Trọng Chinh, Thiếu Tướng Nguyễn Việt Thanh và Trung Tướng Ngô Quang Trưởng).

Ngày 27 Tháng Ba, 1975, tình hình Đà Nẵng vô cùng nghiêm trọng, quân Cộng Sản Bắc Việt dùng đủ loại trọng pháo và súng cối

pháo kích liên tục vào Bộ Chỉ Huy Quân Đoàn 1 và nhiều nơi trong thành phố Đà Nẵng, tạo bất ổn và gây nhiều thương vong cho các lực lượng đồn trú, đồng thời làm cho tinh thần của dân chúng thêm hoảng loạn. Hơn nữa, dân chúng từ Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi... đổ về đây quá đông từ nhiều ngày trước khiến chính quyền và các lực lượng an ninh không thể nào kiểm soát được tình hình tại chỗ. Trung Tướng Ngô Quang Trưởng đành ra lệnh rút bỏ Đà Nẵng. Ngày 28 Tháng Ba, tàu Hải Quân đến Đà Nẵng đón binh sĩ và dân chúng di tản đưa vào Nha Trang, Cam Ranh, và Vũng Tàu, với ưu tiên dành cho các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến từng hứng chịu những tổn thất nặng nề trong cuộc rút lui hỗn độn dẫn đến sự tan rã của Quân Đoàn 1 và Vùng I Chiến Thuật.

Ngày 29 Tháng Ba, các lực lượng Cộng Sản Bắc Việt tiến vào chiếm đóng đô thị lớn hàng thứ hai tại miền Nam Việt Nam, thành phố từng giữ một vị trí chiến lược độc đáo kể từ khi người Pháp khởi sự cuộc chiến tranh chinh phục Việt Nam hồi năm 1858. Rồi hơn một thế kỷ sau đó, hồi năm 1965, các lực lượng Mỹ bắt đầu đổ bộ vào miền Nam Việt Nam để cứu vãn tình hình quân sự nguy ngập tại đây, và bây giờ khi Cộng Sản Bắc Việt bỗng chốc trở thành chủ nhân nơi này trên đường tiến quân về Nam để đánh chiếm Sài Gòn.

Tàn cơn binh lửa

Trước khi thực hiện kế hoạch bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa, một đồng minh quan trọng tại Đông Nam Á, không những chỉ trong những thập niên cuối của thế kỷ 20 mà còn kéo dài cho tới những thập niên đầu của thế kỷ 21 nữa, Quốc Hội và chính phủ Hoa Kỳ, được sự hỗ trợ tích cực của nền báo chí thiên tả cố hữu trong nước, đã tìm cách đổ hết mọi tội lỗi lên đầu chính phủ và quân đội Việt Nam Cộng Hòa để ru ngủ lương tâm mà phủ tay trước cuộc diệt tột tệ. Nào là chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tham nhũng, nào là quân đội Việt Nam Cộng Hòa thiếu khả năng, nào là Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu độc tài và phe đảng, vân vân.

Từ cuối năm 1972 tới đầu năm 1975, nhiều phái đoàn của Quốc Hội Mỹ đã được cử đến miền Nam Việt Nam để hạch sách và điều tra về tình trạng tham nhũng trong chính quyền và quân đội, về cách đối xử với các tù nhân tại các nhà lao không đúng với Công Ước Geneva về tù

binh chiến tranh, về hành vi kiểm duyệt và bóp nghẹt báo chí trong nước, về tin đồn chính quyền và quân đội miền Nam Việt Nam bán thuốc Tây và đạn dược cho Cộng Sản... Tất cả chỉ với mục đích tìm cho ra ít nhất một cái cớ nào đó để có thể bỏ rơi không thương tiếc Việt Nam Cộng Hòa, một đồng minh thân thiết và quan trọng mà chỉ ba thập niên sau họ lại bắt đầu cảm thấy sự sinh tồn của người bạn đó là thiết yếu cho nền an ninh của thế giới tại vùng Ấn Độ và Thái Bình Dương trước hiểm họa bành trướng hầu như không có gì cản nổi của Cộng Sản Trung Hoa. Mặc dù hầu hết quân và dân tại miền Trung Việt Nam – và sau đó là toàn thể dân chúng miền Nam Việt Nam – đều phải hứng chịu những hậu quả tàn khốc do sự tan rã bất ngờ của Quân Đoàn 1 QLVNCH nơi địa đầu giới tuyến, tướng cũng nên ghi nhận rằng, giữa những tang thương, bi hận đó của cuộc chiến, Tướng Ngô Quang Trưởng và Lữ Đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến, éo le thay, lại nằm trong số các nạn nhân đáng thương của cuộc lui binh hết sức đáng tiếc đó.

Tướng Trưởng, một vị tướng lãnh tài ba và trong sạch của QLVNCH với biết bao chiến công lừng lẫy, bỗng dưng trở thành một bại tướng trong tình thế hỗn loạn và mờ mịt của cuộc rút quân mà ngay từ những giờ phút đầu tiên đã vượt khỏi tầm kiểm soát của ông. Đại Tướng Mỹ Norman Schwarzkopf, trước kia là cố vấn cho Đại Tá Ngô Quang Trưởng và sau này trở thành tư lệnh cuộc Hành Quân Bão Sa Mạc (Desert Storm) ở Iraq hồi năm 1991, nhận định rằng Tướng Trưởng là “vị tư lệnh tác chiến sáng chói nhất mà ông từng được biết tới” (Truong was “the most brilliant tactical commander I’d ever known”).

Còn Lữ Đoàn 147 của Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến “bách chiến, bách thắng” thì hầu như bị bỏ quên (vì không có ai đến đón họ xuống tàu đi tản như đã định trong kế hoạch hành quân) tại bãi biển Thuận An, khiến lữ đoàn này phải một mình chiến đấu giữa vòng vây của các lực lượng Cộng Sản Bắc Việt. Đều rồi lữ đoàn này đành phải cay đắng hứng chịu số thương vong cao nhất, với hàng trăm chiến binh tử trận trong giao tranh và dưới mưa pháo của địch cùng với hàng nghìn chiến binh khác bị địch bắt sống sau khi họ đã chiến đấu cho đến viên đạn cuối cùng mà không được tiếp tế, đừng nói chi tới tiếp viện.



30 Tháng 4 , 1975

KIỀU CÔNG CỤ , K22

*30 tháng 4, 1975
Sài Gòn đã mất,
Tự Do đã mất,
Và ta cũng bắt đầu ..
Cuộc đời lưu đày từ Nam ra Bắc.*

*Đường ta đi đầy những cạm bẫy,
Hố Môn, Long Giao, Tân Hiệp , Hoàng Liên Sơn,
Yên Bái, Nam Hà, Hàm Tân, Chí Hòa, Xuân Phước..
Những nẻo đường trần gian mà ta không thể nào quên được,
Nơi bạn bè đã nằm xuống, nhiều người đã ra đi.
Anh em ta chết dần, chết mòn trong những trại tập trung.
Cả đất nước này là một nhà tù vĩ đại.
Đêm hằng đêm , ta lắng nghe tiếng sóng trùng dương vọng lại ,
Tiếng gió gọi ngàn trên những nẻo thênh thang.
Tự Do ơi ! Ta vẫn nhớ đến Nàng ,*

Vẫn gọi tên Em với tiếng lòng tha thiết .
Mình đã xa nhau hai phương trời cách biệt,
Nhưng vẫn nhớ nhau nồng ấm dịu dàng,
Trên đường lưu đày qua những bước gian nan,
Vẫn gọi tên Em chưa một lần chối bỏ.

Ta yêu em nên căm thù loài quỷ đồ,
Ta có Niềm Tin nên ghét kẻ vô thân.
Ta nguyện suốt một đời , dầu phải hy sinh
Để bảo vệ Tự Do phá tan xiềng xích.

Xin vì Em, ta sẽ dâng đàn truyền hịch ,
Đánh trống thúc quân và dựng cờ Tổ Quốc lên cao,
Ta sẽ nói với mọi người : Giờ Lịch Sử bắt đầu ,
Bằng mọi căm thù hãy tiến ra phía trước,
Diệt hết chúng đi , loài thú người bạo ngược,
Đem Tình Yêu để đổi lấy hận thù,
Đem linh hồn cho quỷ dữ satan,
Đem chủ nghĩa ngoại lai về làm tan hoang đất mẹ,

Tự Do ơi ! Hãy đến thật gần em nhé,
Tất cả đã sẵn sàng
Và tất cả mời em.

1975

**Thế là hết ! Triệu buồng tim òa vỡ,
Chính Nghĩa và Công Lý thua đau,
Cả Miền Nam nhạt nhòa trong nước mắt
Khóc thương hồn Tổ Quốc đã về đâu ?
M.P.H**

Những Ngày Chiến Đấu Sau Cùng Trên Quê Hương Quảng Nam

Kiểm Công Cụ , K22

...

Ngày 18/3/75 Thiếu Tá Trần Văn Hợp, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn (TĐ) 2/TQLC đi họp ở BCH/ Lữ Đoàn 369 về cho biết TĐ sẽ di chuyển vào ngày mai . Anh trải phóng đồ hành quân và khu vực trách nhiệm của TĐ lên chiếc bàn đã chiến đóng bằng thùng gỗ pháo binh . Tôi “à” lên một tiếng rồi nói :

_ Tôi biết vùng này rồi.

_ Mắt không rời bản đồ, giọng tỉnh bơ anh hỏi :

_ Ông ở đây rồi à?

_ Tôi đã ở đây từ nhỏ tới lớn, nơi chôn nhau cắt rún của tôi, thưa Th/tá.

_ Thế thì tiện quá. Tôi nay ông gọi máy báo cho Th/tá Giao và các đại đội trưởng chi tiết .

Tối hôm đó sau khi gọi máy báo , tôi nằm hoài không ngủ được. Bao nhiêu năm chiến tranh , lần này tôi trở về chiến đấu giữa quê hương mình. Không biết nên vui hay buồn .Chiến tranh đã bao trùm lên quê tôi từ ngày tôi mới lớn. Quê hương tôi chưa có một ngày yên bình. Ba tôi mất sớm, Mẹ tôi vẫn vững vàng bảo vệ đàn con.

Năm 1947 phong trào Việt Minh nổi lên , giặc Pháp thường mở những trận bố ráp Mẹ tôi phải cõng tôi tản cư vượt qua sông Thu Bồn, chạy về miền núi Tiên Phước ..Rồi đói khổ quá, mẹ tôi lại hồi cư về Ái Nghĩa . Năm 1949 mẹ tôi bị Tây bắt vì tội tiếp tế cho Việt Minh . Sau khi ra tù , mẹ tôi phải bán hết cơ nghiệp nhỏ nhoi để dẫn hai anh em tôi vào Sài Gòn tá túc nhà cậu Niêm . Anh Lang được Cậu cho đi học trường Taberd. Hai năm sau Mẹ tôi cũng gửi tôi lên Đà Lạt ở với dì Bảy để đi học tại trường Tiểu học Xuân An trên đường Nhà Chung, gần bên nhà thờ Con gà . Cậu Hai sang cho mẹ một cái kiosque ở chợ Phú Nhuận để mẹ tôi buôn hột gà hột vịt đủ loại. Những tưởng là yên ấm rồi nhưng

tiếng gọi của quê cha đất tổ bao giờ cũng mạnh ; nên sau ngày đình chiến 20/7/1954, chia đôi đất nước, Mẹ tôi quyết định để lại anh Lang cùng chị Ngọc tôi ở lại Sài Gòn, còn bà một thân một mình trở về làng cũ Phong Thử .Tôi cũng được dì Bảy dẫn về thăm mẹ và tôi nhất quyết ở lại với Mẹ. Một năm sau, gia đình tôi dọn về quê cha tôi tại thị trấn Ái Nghĩa cho đến bây giờ. Năm 1956 tôi thi đậu vào lớp đệ thất trường trung học công lập Trần Quý Cáp, Hội An.Tôi có bảy năm làm người học trò ở trọ ăn cơm tháng ở cái tỉnh lỵ nhỏ bé nhưng nhiều thân ái đó .Ôi cái thuở học trò sao mà đẹp :

*Thuở sân trường, Anh , có lẽ tình si
Lỡ nhướng mắt ngó say người nguyệt thẹn
Con xuôi nhỏ sớm mở lời biển hẹn
Còn trách gì sâu cạn những dòng sông .*

HOÀNG LỘC

Buổi sáng trời dứt mưa nhưng tầng mây vẫn còn thấp và bầu trời thì nặng trĩu. Toàn bộ LĐ369 di chuyển bằng xe, theo thứ tự TĐ6-BCH/LĐ-TĐ1PB-TĐ2 -TĐ9 sau cùng .Các Đại đội bàn giao tuyến đóng quân cho Liên đoàn 15/BĐQ rồi di chuyển ra điểm tập trung trên Quốc lộ I phía bắc sông Mỹ Chánh . Cán B của Th/tá Đổ Trung Giao nối theo TĐ1/PB .Tôi ngồi chung xe với anh Hợp giữa hai người mang máy .Theo dõi từng check point và báo cáo lên Ban 3 /Lữ đoàn lộ trình di chuyển. Mỗi check point là một địa điểm gọi nhớ, những dấu vết kỷ niệm. Những anh chàng TQLC đều có máu giang hồ lãng tử nên mỗi lần được di chuyển đến địa điểm mới hay chuyển vùng là thích thú lắm. Những người dân Phong Điền , Hương Thủy,..dừng tay bên bờ ruộng lúa, lặng nhìn đoàn xe đi qua mà lo âu. Những năm trước, từ Gio Linh cho đến Đông Hà, Quảng Trị ..người lính TQLC rút đi là họ rút theo, người lính TQLC tái chiếm đến đâu thì họ theo về đến đó .Gần năm năm đóng quân ở cái vùng đất loạn lạc này, lòng người lính cũng mang nỗi niềm bùi ngùi, thương nhớ :

*Thương chi cho uống công tình..
Bậu về trong nớ bỏ mình bơ vơ..*

Nhưng dấu sao vẫn còn nhiều nhớ thương ray rức trong lòng kể ở :

*Bơ vơ thì mặc bơ vơ
Bậu về trong nớ nhớ viết thơ cho mình.*

Chiếc xe đầu đã đến ngã ba Kim Long , con đường dẫn lên chùa Thiên Mục, Văn Thánh. Những hào nước sâu thả đầy sen bao quanh thành nội. Đoàn xe qua cầu mới Nguyễn Hoàng, cầu Trường Tiền cách đó cũng không xa. Đoàn xe đi ngang qua trường Quốc Học, Đồng Khánh . Nhưng lần này không nhìn thấy bóng dáng cô nữ sinh Đồng Khánh để mà nói lời tạm biệt. Đài phát thanh Huế với những ngày biến động năm 1963, ty bưu điện và nhà ga xe lửa Huế. Đoàn xe vẫn xuôi nam, qua trung tâm huấn luyện Phú Lương, qua phi trường Phú Bài nhận nhíp những năm về trước, bây giờ cũng vắng vẻ đìu hiu. Đến trưa thì đoàn xe đã đến đèo Phước Tường và đang lên đèo Bạch Mã .Vùng này có khí hậu rất tốt và phong cảnh rất hữu tình nhưng bây giờ thì hoang vu thưa thớt, người dân đã bỏ đi để tránh bom đạn vì VC đã lập một mật khu ở đây và chúng có một trung đoàn chủ lực miền lấy tên là Bạch Mã. Xe chạy qua những bờ biển xanh, qua các làng ven biển như Lăng Cô, Truồi, đầm Cầu Hai, Phú Lộc .

Xe đã đi vào vùng đèo Hải Vân .Đoạn đường đèo dài hơn mười cây số, phân chia hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên. Tại đỉnh đèo và trên những vòng cao độ quan yếu người Pháp trước đây đã cho xây những lô cốt bằng bê tông cốt sắt rất kiên cố để bảo vệ đoạn đường độc đạo và huyết mạch này. Từ tháng 8/74 VC đã sử dụng trung đoàn Bạch Mã của chúng để chiếm đèo làm tắt nghẽn giao thông và ngăn chặn đoàn người chạy nạn từ Huế vào Đà Nẵng. Bằng những trận đánh ngoạn mục, nhất là những trận đột kích đêm, TĐ11 Dù đã tấn công chiếm lại và xóa tên đơn vị địch. Hiện LD468/TQLC tân lập của Đ/tá Ngô Văn Định đang trách nhiệm toàn bộ khu vực đèo .Từ đỉnh đèo nhìn xuống là một vùng biển xanh ngắt của Nam Ô và Lăng Cô. Con đường sắt bắc nam chạy sát chân đèo, lúc ẩn lúc hiện qua những đường hầm đào xuyên qua núi. Một làng cù do các nữ tu công giáo quản lý nằm biệt lập sát biển. Qua khỏi đèo là địa phận của tỉnh Quảng Nam .Cách nhau có một ngọn đèo mà dân ở hai miền khác hẳn nhau về giọng nói, phong tục và lối sống. Người dân xứ thần kinh thì thâm nghiêm kín cổng cao tường với thành quách đền đài lăng tẩm. Còn người dân xứ Quảng thì mộc mạc kiên cường như Ngũ Hành Sơn . Họ rất hãnh diện là người dân của xứ ngũ phụng tề phi. Đó là đời vua Thành Thái (1898) học trò trong Quảng ra thi Hội tại kinh thành Huế có năm vị đỗ từ một tới năm .Đó là các Ông :

**Phạm Liệu ,Phan Quang ,Phạm Tuấn đồ tiến sĩ
Ngô Lý ,Đương Hiến Tiến đồ phó bảng .**

Đoàn xe đã qua làng Nam Ô sản xuất nước mắm ngon nổi tiếng. Qua khỏi ngã ba Huế , ngã ba Phước Tường, rời khỏi QL1 rời rẽ về hướng tây.Trung tâm huấn luyện Hòa Cầm của Quân Đoàn I. Theo tỉnh lộ số 4 đến Túy Loan với những tiệm bán mì quảng ngon tuyệt. Những đoạn đường trong vùng do TQLC Mỹ xây dựng nên còn rất tốt. Vẫn còn những đài radar trên những đỉnh núi cao và những căn cứ hoả lực của quân đội Mỹ trước đây ở Hòa Mỹ, Núi Lỡ, Cầu Chìm .

TĐ6 tiếp tục theo tỉnh lộ 4 qua thị trấn Ái Nghĩa, Phiếm Ái rồi tiến vào vùng trách nhiệm tại Hà Tân, Hà Nha, Phú Hương, con đường độc đạo dẫn đến quận lỵ Thường Đức đã bị Cộng chiếm từ tháng 9/74. TĐ6 đóng quân giáp với Đ3BB của Tướng Nguyễn Duy Hinh về phía bắc của sông Vu Gia (ở quê tôi gọi là sông Ô Gia). Mùa này nước từ nguồn đổ về đầy ắp khiến con sông trông rộng mênh mông. Sông này là một nhánh của sông Thu Bồn chảy về hướng đông bắc qua miệt Cẩm Lệ rồi đổ về sông Hàn ở Đà Nẵng .

Đoàn xe chờ TĐ2 dừng lại ở một bãi trống, người ta gọi là Truong Lộc Chánh, một rừng sim cây thấp. Nơi đây là địa phận của quận Đại Lộc, giáp ranh với quận Hiếu Đức. Nếu đi tiếp chừng hai cây số nữa là đến thị trấn Ái Nghĩa, nơi chôn nhau cắt rún của tôi. Đây là ngã ba giao lộ , buôn bán sầm uất. Rất tiện giao thông về đường sông và đường bộ. Đi về phía đông là Quốc lộ 1 , con đường dẫn về thành phố cổ Hội An .Về phía đông bắc là thành phố Đà Nẵng. Phía tây là các quận Hiệp Đức và Thượng Đức.Vùng này có mỏ vàng Bông Miêu và mỏ than Nông Sơn. Đây cũng là vùng ba biên giới, địa điểm xâm nhập và tiếp vận chính của Cộng quân. Trước đây người Mỹ đã thành lập những đồn biên phòng và những trại dân sự chiến đấu để theo dõi những hoạt động của CS tại Hiên và Giăng. Người Mỹ rút đi những đồn này cũng bị dẹp bỏ .

Nhà Mẹ tôi và các chị ở gần chiếc cầu sắt nối liền với xã Hoán Mỹ trên giong sông Ái Nghĩa. Lòng tôi rất mong ước được về thăm mẹ nhưng bây giờ thì không được rồi . Đêm đó tôi ngủ thật bình yên trên quê hương mình . Lòng thanh thản vô cùng .

Sáng hôm sau những chiếc trực thăng chở quân UH1B từ phi trường Non Nước vào bốc TĐ lên thay thế những vị trí của TĐ5 Dù.

Gặp thẳng bạn cùng khóa là Trần Thanh Chương đang là Trưởng ban 3 TĐ. ĐĐ5 của Đ/U Huỳnh Văn Trọn thay thế cho ĐĐ Trinh sát của Th/tá Võ Văn Đức (Khóa 22 ĐL) bị đám cộng bản sẽ. Những vị trí được thay thế hoàn tất trong ngày trên dãy Sơn Gà, động Lâm, đồi 1062 ..Đây là những vị trí quan trọng mà những chiến sĩ Dù đã phải chiến đấu với những cán binh CS thuộc SĐ304 và SĐ2 khi mặt trận Thượng Đức nổ ra từ tháng 8/74. **Đồi 1062 được gọi là ngọn đồi máu.** Nếu những vị trí này bị mất thì phi trường Đà Nẵng, BTL/QĐ1 và nhiều vị trí quan trọng khác của Đà Nẵng nằm trong tầm pháo và hỏa tiễn của giặc .

Anh Hợp và tôi thường ngồi trên những phiến đá lớn, bằng phẳng ở vị trí cao nhất của Động Lâm, dùng ống dòm quan sát những hoạt động của địch về phía Thượng Đức. Địch đang có những cuộc chuyển quân, vũ khí và tiếp liệu rõ ràng. Từng đoàn Molotova và thiết giáp địch di chuyển làm tung lên những đám bụi mù. Anh Hợp thường gọi pháo binh tác xạ, có hôm đề nghị cả một TĐ gồm 36 khẩu 105 ly bắn T.O.T vào vị trí địch . Có hôm đẹp trời L19 lên quan sát , chúng tôi xin những phi vụ F5E hay A37 dội bom vào những bãi đậu xe, những thiết giáp địch .Các phi công VN rất hào hứng và khích động. Họ la lên trong máy khi bắn trúng thiết giáp địch .Chúng tôi cũng nghe những tiếng nổ phụ và những đám cháy bốc lên thật gần. Địch cũng đáp lại bằng những lưới lửa phòng không dữ dội. Chi tiết bây giờ hải pháo không còn và những đợt thả bom của B52 cũng vắng bóng từ lâu. Tuy nhiên tình hình trong khu vực rất yên tĩnh. Lệnh của Lữ đoàn phải chuẩn bị cho những ngày sắp tới. Lương khô, đạn dược, thuốc men, kể cả nước uống được tích trữ trong vòng một tháng .

Những buổi chiều khi hoàng hôn còn lãng đãng ở những ngọn đồi phía tây, anh Hợp thường đem đàn ra chơi những bản classic. Tôi vẫn thích những bản Romance. Tôi không rành về nhạc nhưng những âm thanh đó như quyện vào không gian của buổi chiều tà, khiến lòng tôi cũng đắm ra buồn man mác. Tôi nhớ đến Mẹ tôi rất nhiều. Khi nhìn những người lính TQLC đi mua sắm trong thị trấn, chắc Mẹ tôi cũng nhớ đến tôi. Bây giờ tình hình thay đổi ngày một khó khăn . Hàng ngày tin tức trên đài VOA và BBC mà sốt ruột. Không biết Mẹ tôi và các chị tôi tính sao. Tôi đem điều này nói với anh Hợp. Anh bảo tôi :

Thôi ông về thăm bà cụ đi rồi sáng mai theo chuyến tiếp tế mà lên . Để tôi gọi máy cho Hậu trạm đem xe vào đón ông trong vòng hai giờ nữa .

Tôi mừng lắm vội gọi hạ sỹ Hờn mang một cái máy ANPRC25, còn tôi mang khẩu M16 . Rồi hai thầy trò lần theo đường mòn xuống núi. Chúng tôi đi dọc theo tuyến phòng thủ của TĐ . Những ngọn đồi ở đây gần như trọc, loang lổ và xơ xác vì bom đạn. Binh sỹ đào hầm hố sau những mô đất. Họ lợi dụng tối đa những hang động và những giao thông hào có sẵn. Ở những ngọn đồi kề cận, địch cũng đang ẩn nấp và bắn sẽ rất nguy hiểm. Gần hết triền núi thì gặp TĐ6/TQLC đóng giáp . Tiểu đoàn cũng ra lệnh cho các Đại đội đặt những toán bắn sẽ để đáp trả. Tôi không biết tại sao trong chiến thuật của QL/VNCH không cho phép thành lập những toán bắn sẽ. Trong mặt trận Quảng trị năm 1972, chiến thuật đáp trả này tỏ ra rất hữu hiệu.

Chiếc jeep của HS Mười đón thầy trò tôi ở Cầu Chìm thuộc xã Trường An. Dọc hai bên đường người qua lại vội vã. Những chiếc xe đò, xe Daihatsu ba bánh , xe thô, xe đạp, xe gắn máy có vẽ tắt tả ngược xuôi. Gặp một vài người quen, họ nhìn tôi và có vẻ thích thú khi tôi mặc quần áo lính về làng. Tôi cũng rất hạnh diện với áo hoa sóng biển của mình. Mẹ và các chị tôi rất vui mừng khi thấy tôi từ chiếc xe jeep bước xuống. Tôi cũng cảm thấy có một sự hạnh diện nào đó. Anh rể tôi cho biết gia đình sắp dọn ra Đà Nẵng ở tạm nhà cháu An rồi tìm cách vào Sài Gòn. Mẹ tôi năm đó đã 72 tuổi nhưng còn khỏe lắm. Bà nói :

Phải đi thôi .VC vào đây thì không sống được .

Tôi nghĩ Mẹ tôi đã nói đúng và tôi rất an lòng. Sáng hôm sau Mẹ đi mua mì quảng về cho chúng tôi ăn. Rồi bà hỏi thầy trò tôi ra bãi đáp trực thăng, theo chuyến tiếp tế về lại đơn vị hành quân .

Tình hình biến chuyển thật nhanh và đang xấu đi .

Ngày 8/3/75 phái đoàn lưỡng viện Mỹ rời Sài Gòn. Chính quyền VNCH hoàn toàn thất vọng và lo lắng. Mọi hy vọng vào số tiền 300 triệu viện trợ đã tan thành mây khói. Một lần nữa Hà Nội đã được Mỹ bật đèn xanh. Lê Duẩn vội vàng ra lệnh cho Văn Tiến Dũng mở mặt trận Tây nguyên .

Đêm 10/3/75 lúc 2giờ 30 sáng , Đ 320 bắt đầu tấn công vào Ban Mê Thuộc. Các Đ 968 và 10 đã vượt sông Krok, Sre Pok tiến về Kon Tum và Pleiku. Th/trưởng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II có

trong tay các SĐ22, SĐ23 và 3 LĐ/BĐQ của Đ/tá Phạm Duy Tất cùng những đơn vị pháo binh, thiết giáp và Địa Phương Quân và Nghĩa Quân cơ hữu .Tất cả sẵn sàng chống địch .

Trong khi đó tại mặt trận Trị Thiên các SĐ324B, 325C, 711 và 304 do Lê Trọng Tấn làm tư lệnh và Võ Chí Công làm chính ủy đang áp sát vào những đơn vị của Tướng Trưởng tại Vùng 1 chiến thuật .

Tình thế bây giờ thật khó khăn. Cái ý định tái phối trí lực lượng hay co cụm phòng thủ đã hình thành trong chiến lược của Ông Thiệu. Nhưng cái chiến lược gì có thể thực hiện được khi người bảo trợ chính cho miền Nam đã quay lưng, nếu không muốn nói là phớt lờ. Còn nước còn tát . Ông Thiệu nghĩ như vậy. Chỉ tiếc thời gian thì không cho phép và lòng người thì đang giao động. Ông Thiệu hay bất cứ người nào có thể làm được gì trong hoàn cảnh hiện nay ?

Ngày 14/3/75 trong cuộc họp tại Cam Ranh gồm năm ông tướng (Thiệu, Khiêm, Viên, Quang và Phú) Ông Thiệu ra lệnh cho tướng Phú : **Rút bỏ Cao nguyên, đem toàn bộ chủ lực gồm SĐ22, SĐ23, các LĐ/BĐ, các đơn vị thiết giáp, pháo binh,..về phòng thủ duyên hải** . Lệnh ban ra thật đơn giản và người thi hành lệnh cũng suy nghĩ thật đơn giản. Sự thất bại là ở chỗ đó . Cấp trên gần như trút bỏ trách nhiệm cho thuộc cấp mà không nghĩ mình phải là người chịu trách nhiệm chính. Theo tôi nghĩ kế hoạch lui binh này phải được thảo hoạch từ cấp Bộ Tổng tham mưu và đại tướng Cao Văn Viên phải là người chủ chốt. Thế nhưng ông Viên không có ý kiến, rồi ông Phú lại giao công việc đó cho ông Tất sau khi năn nỉ ông Thiệu gán cho ông ấy một sao. Và khi sự thất bại xảy ra, dĩ nhiên, lại dùng quyền hạn của cấp chỉ huy để không chế thuộc cấp. Việc bắt giam Tướng Phú sau này nói lên một sự sai lầm . Bao nhiêu quân nhân và thường dân vô tội đã chết trên QL14 và liên tỉnh lộ 7B là một sự bi thảm .Và đó cũng là bước đầu dẫn đến sự sụp đổ của miền Nam .Và ai sẽ là người chịu trách nhiệm chính đây ?

Tại vùng I, sau khi rút SĐ Dù về Nam, SĐ/TQLC được chia làm hai: LĐ147 trấn giữ tuyến sông Bồ (Huế), các Lữ đoàn 258, 369 và 468 lập tuyến phòng thủ chính cho thành phố Đà Nẵng từ đèo Hải Vân đến sông Vu Già giáp với SĐ3 BB .

Sự sai lầm cũng được lập lại một lần nữa.

Tướng Trưởng cũng nhận được lệnh :**Rút bỏ vùng I** . Các SĐ1, SĐ2, SĐ3 và SĐ/TQLC cùng những đơn vị Thiết giáp, Pháo binh,..được

lệnh tập trung tại các bãi biển Thuận An , Đà Nẵng và Chu Lai. Lệnh đưa ra thật bất ngờ, thiếu chuẩn bị nên đã gây ra nhiều hoang mang và hỗn loạn. Trong lịch sử chiến tranh VN người ta chưa bao giờ thấy được cái cảnh tột tệ và thê thảm như thời điểm này. Đúng là các nhà lãnh đạo tại miền Nam đã rơi vào tình trạng hoảng loạn hay nói một cách khác là họ đã bị tẩu hỏa nhập ma mất rồi.

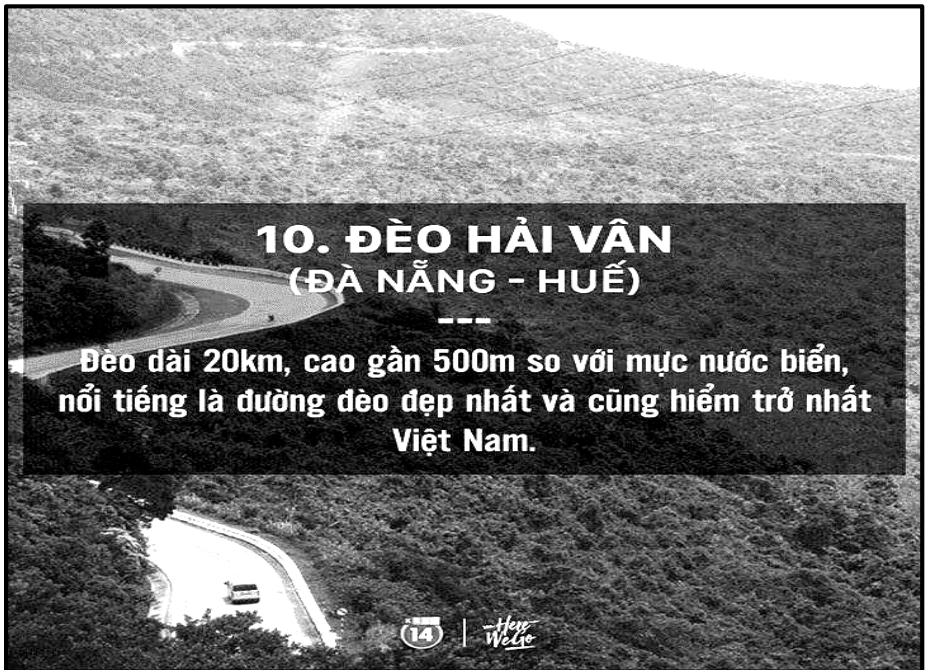
Ngày 22/3/75 LĐ15/BĐQ bị áp lực nặng nề của SĐ324B và SĐ325C phải rút bỏ tuyến phòng thủ Phú Lộc . Pháo 130 ly của Cộng quân bắt đầu nả bừa bãi vào thành phố Huế. Những cảnh thương tâm lại tiếp tục xảy ra.

Ngày 24/3/75 LĐ 147 /TQLC gồm các TĐ3,4,5,7, và TĐ2 PB phải rút bỏ tuyến phòng thủ sông Bồ .Tr/tướng Lâm Quang Thi Tư lệnh tiền phương QĐ1 ra lệnh cho Đ/tá Nguyễn Thế Lương đưa lữ đoàn ra cửa biển Thuận An, sẽ có tàu bốc về nam. Hành quân triệt thối được các đơn vị TQLC tổ chức một cách chặt chẽ và có kỷ luật. Bởi vì họ không bị vướng bận bởi gia đình và những cái linh kinh khác. Thế nhưng bỗng nhiên Lữ đoàn 258 của Đ/tá Nguyễn Năng Bão nhận được lệnh rút bỏ đèo Phước Tường và những vị trí quan trọng không cho phép cộng quân tiến xuống vùng đồng bằng và cắt đứt Quốc lộ I trong ngày 28/3/1975. Ai đã ra cái lệnh đưa bao nhiêu con người vào “ tử lộ “ này và tạo điều kiện cho một đơn vị cộng quân đã cắt đứt QL1 tại vùng Núi Đá Bạc. Đoàn người di tản đông đảo kể cả quân nhân các đơn vị đã đội ngược lại Huế . Chỉ còn một lối thoát duy nhất là Cửa bể Thuận An . LĐ 147 đã tập hợp đầy đủ tại đây và chờ những hải vận hạm của phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại đang lảng vảng ngoài khơi. Nhưng cộng quân đã bám sát và pháo kích vào vị trí đóng quân của LĐ .Trên bãi biển quá đông người và đủ mọi sắc lính . Cảnh hỗn loạn thực sự đã xảy ra . Đ/tá Nguyễn Thành Trí, người chỉ huy trực tiếp Mặt trận phía bắc, cũng phải đau lòng bỏ lại những chiến hữu của mình trong cái rọ đang bị siết chặt lại. Th/tá Nguyễn Tri Nam , Đ/U Tô Thanh Chiêu đã bị bắn chết khi đang rải tuyến đóng quân . Một chiếc tàu đã cập bến lần đầu để chở thương binh và BCH/LĐ. Chiếc thứ hai hỏng chân vịt vì quá tải . Những hoá tiễn tầm nhiệt AT3 của cộng quân không cho phép những chiếc khác liệch mạng vào bờ. Các vị Tiểu đoàn trưởng đã giữ được tinh thần chiến đấu của đơn vị mình như Th/tá Nguyễn Văn Sử (TĐ3), Th/tá Đinh Long Thành (TĐ4), Th/tá Phạm Văn Tiên (TĐ5), Th/tá Phạm Cang (TĐ7) và Th/tá

Võ Đăng Phương (TĐ2PB). Tất cả đều đã chiến đấu trong một tình thế tuyệt vọng và mở một con đường máu chảy về cửa Tư Hiền. Cuối cùng của một cuộc chiến, tất cả đã bị bắt và chấm dứt cuộc đời nhà binh của mình tại một làng chài hẻo lánh có tên là Vĩnh Lộc, Thừa Thiên.

Ngày 25/3/75 chuẩn tướng Nguyễn Văn Điem, tư lệnh SĐ1 BB họp các Sĩ quan lần cuối tại căn cứ Dạ Lê, ông cho biết đã nhận được lệnh bỏ Huế và bản thân ông cũng không biết phải làm những gì ? Quả thật gia đình là một gánh nặng. Và chính tướng Điem cũng đành bất lực xuôi tay. Năm 1971 ông là trung đoàn trưởng xuất sắc đã tiến vào Tchepone trong cuộc hành quân Lam Sơn 719. SĐ1BB được coi là một tấm khiên vững chắc trấn giữ ải địa đầu đã bị bức tử từ ngày đó. LĐ258 cũng đã từ Bạch Mã rút về Đà Nẵng.

Chỉ có LĐ468 tân lập của Đ/tá Ngô Văn Định xuống tàu an toàn tại làng cù dưới chân đèo Hải Vân . . .



Câu Chuyện Về Đài Tưởng Niệm Những Cựu Chiến Binh Mỹ Chiến Đấu Tại Việt Nam

Tiffany Thanh Kiều

Lời nói đầu :

Bài viết của **Tiffany Thanh Kieu** bằng Anh ngữ, có nhan đề : *STORY OF THE VIETNAM VETERANS MEMORIAL* . Đây là một bài viết rất công phu, trình bày một cách đầy đủ những chi tiết của một công trình có tính cách quốc gia, từ việc cổ động , thành lập quỹ xây dựng, tuyển chọn bản vẽ, thi công xây dựng ,nhưng cái quan trọng là nó đã nói lên được cái ý nghĩa đích thực và không thể chối cãi được những sự hy sinh và lòng dũng cảm của những cựu chiến binh Mỹ tại chiến trường Việt nam . Còn những người lính VNCH thì sao ? Họ tiếp tục bị hiểu lầm và coi khinh hay sao.? Những kẻ không đáng được tôn trọng là những kẻ chiến thắng như TNS John Mc Cain đã nói.. Thời gian rồi sẽ định vị lại mọi giá trị lịch sử . Bốn mươi năm đã đi qua, nhưng ý nghĩa thực sự của cuộc chiến vẫn còn đó. Những lá cờ vàng ba sọc đỏ đã tung bay tại nhiều thành phố trên toàn nước Mỹ, Canada, châu Âu, châu Úc và trên toàn thế giới, nơi mà những Cộng đồng tỵ nạn VN hiện diện, phát triển , lớn mạnh và khước từ mọi thỏa hiệp đối trá của việt cộng. Cuộc chiến đấu của chúng ta vẫn bền bỉ tiếp tục và có kết quả cho một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, không cộng sản trong một tương lai sẽ đến và không còn xa lắm.

Tôi, một người Cha , muốn tiếp nối những công việc của Con mình, dầu cho nó có nhỏ nhoi, nhưng tất cả chúng ta đều muốn mang một cảm nhận mới mẻ của thế hệ con cháu chúng ta đối với những bậc cha anh mà chúng luôn tôn trọng và nhớ ơn.

Người dịch : Kiều Công Cự

KHỞ ĐẦU :

Hoa kỳ luôn luôn là một vùng đất của sự hạnh diện và lòng yêu nước. Những công dân Mỹ, kể cả nam lẫn nữ, khi đã phục vụ một cách chân thành cho quê hương đều được ghi ơn và tưởng thưởng. Thủ đô Washington D. C., là nơi có hằng trăm những tượng đài ghi lại những công khó nhọc và sự hy sinh của những công dân Hoa kỳ. Một vài đài tưởng niệm như là Washington Monument hay Lincoln Memorial, ngôi



tháp hùng vĩ vượt cao lên trên vòm trời Thủ đô. Tuy nhiên cũng có một đài tưởng niệm rất khiêm nhường về kích cỡ, nhưng lại được số lượng người đông đảo nhất liên tục đến thăm viếng . Đó là **Đài tưởng niệm các cựu chiến binh Hoa kỳ chiến đấu tại Việt nam (The Vietnam Veterans Memorial)**. Hằng năm nhiều ngàn người đến viếng thăm ‘*cái bức tường thấp, sáng loáng, một màu đen tuyền với những tên*’ của những người lính đã chết hay mất tích trong cuộc chiến lâu dài và nhiều gian nan tại Việt Nam.

Cuộc chiến tại Việt Nam không phải là một cuộc chiến của Hiệp

chúng quốc Hoa Kỳ. Thế nhưng Hoa Kỳ đã gọi những người lính của họ đến giúp một quốc gia xa lạ trong cuộc chiến tranh ý thức hệ tại Việt Nam. Từ cuối năm 1959, Tổng thống Dwight David Eisenhower đã gọi những toán cố vấn quân sự nhỏ để giúp huấn luyện những người lính miền Nam chiến đấu chống lại bộ đội công sản miền Bắc. Rồi bắt đầu từ năm 1967, hơn một nửa triệu quân Mỹ đã thực sự chiến đấu tại Việt



Jan Scruggs

Nam. Những nam và nữ quân nhân này đã hy sinh mạng sống của họ và chiến đấu một cách tận tình trong một cuộc chiến bất phân thắng bại tại một vùng đất không phải là quê hương của họ. Họ đã chiến đấu một cách nhiệt tình và can đảm, và nhiều người đã đánh mất mạng sống của mình. Rồi khi trở lại quê nhà, họ không được những vòng tay mở rộng đón nhận, thậm chí còn bị dè bĩu, coi khinh của những đồng hương của họ. Mục tiêu hy sinh cao cả và sự can đảm tuyệt vời của những người

lính chiến đấu tại Việt nam đã bị quên đi một cách nhanh chóng. Nhưng những người đã tham gia vào cuộc chiến thì tự thâm tâm của họ thật khó mà quên được nỗi buồn rầu và kinh khủng của những gì đã xảy ra.

Cho đến năm 1979 Jan C. Scruggs, Robert W. Doubek, và John Wheeler, cả ba đều là cựu chiến binh, đã bàn bạc thực hiện một đài kỷ niệm để vinh danh những người lính đã chết hoặc còn mất tích tại Việt nam. Jan Scruggs đã lớn lên tại thành phố Bowie, tiểu bang Maryland. Sau khi tốt nghiệp Trung học, anh đã phục vụ trong Trung đoàn Khinh binh số 199 thuộc quân đội Hoa kỳ. Sau một nhiệm kỳ chiến đấu tại Việt nam, anh được giải ngũ và tiếp tục vào Đại học tại thủ đô Washington D. C, anh đã nhận được văn bằng Cử nhân về tham vấn luật pháp. Jan

suy nghĩ đến nhiều ngàn người đã chết trong cuộc chiến. Nhưng đất nước đã không làm một điều gì để vinh danh họ. Và anh đã đi đến một ý nghĩ dứt khoát là phải thiết lập một đài tưởng niệm cho những người đã chiến đấu trong cuộc chiến tại Việt Nam. Phải ghi lại tên của những nam nữ quân nhân đã đến VN và đã không bao giờ trở lại đầu chỉ một lần thôi.

Hầu hết người ta cho rằng Jan đã điên mất rồi. Anh biết gì về những tượng đài. Tốn phí nhiều triệu đô la để xây dựng. Làm thế nào để có tiền đây. Tại sao lại bắt những người Mỹ phải xây dựng một cái đài tưởng niệm cho những cựu binh Mỹ trong cuộc chiến tại VN. Họ chỉ muốn quên đi kia mà.

Jan thì không nghĩ như thế và anh đã quyết tâm. Anh tổ chức những buổi gặp mặt, sắp xếp những buổi thuyết trình. Lúc đầu chẳng có ai muốn nghe anh. Anh đến gặp những cựu chiến binh khác có cùng một quan điểm như anh. Họ đồng ý với nhau một điều là tất cả những người Mỹ bình thường đều muốn đóng góp tiền bạc để xây dựng một đài tưởng niệm. Họ tự thiết lập một Quỹ xây dựng đài tưởng niệm cựu chiến binh tại VN (*Vietnam Veterans' s Memorial Fund*).

Phóng viên báo chí và truyền hình bắt đầu nói đến quỹ xây dựng. Những sự đóng góp bắt đầu hình thành. Một cô gái có cha hy sinh trong cuộc chiến góp đến 10 đô la. Cha mẹ của một quân nhân trẻ bị giết góp tám ngàn phiếu 25 Đô. Jan rất nhiều hy vọng nhưng hai tháng sau anh chỉ có được 144.5 đô. Làm thế nào để quyên góp hàng triệu đô la đây ?

Những cố gắng gây quỹ đã nhận được số lượng tăng vọt khi Thượng nghị sĩ John Warner ở Virginia tặng 5.000 đô với số tiền riêng của ông và đồng thời giúp gây quỹ thêm 50.000 đô. Một trong những người hào hiệp là nhà tỷ phú ở Texas, ông H. Ross Perot. Dần dà số tiền tặng giúp lên quá 8,4 triệu đô. Quỹ xây dựng đài tưởng niệm nhận được từ 275.000 cá nhân.

TNS Charles Mathias, một đảng viên Cộng hòa từ Maryland, một người đã chống lại sự tham chiến của quân đội Mỹ tại VN, đã tin tưởng rằng sự đóng góp này có thể hòa giải mỗi bất hòa giữa những người Mỹ. Và ông cũng làm ngạc nhiên và vui sướng hết sức cho những người tổ chức gây quỹ bằng cách đề nghị một địa điểm rộng khoảng hai mẫu tây nằm giữa hai địa danh khá nổi tiếng : Washington Monument và Lincoln Memorial. TNS Mathias đã đưa ra dự luật biến nơi này thành

đài tưởng niệm. Tất cả 100 TNS đồng tâm bảo trợ dự luật . Nó được thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1980. Một dự luật tương tự cũng được toàn thể Hạ viện thông qua.

Sau hơn một năm cố gắng, mọi việc giờ đây đều xuôi chèo mát mái.

Mùa hè năm 1980, sau năm năm kể từ khi người lính Mỹ cuối cùng rời khỏi VN, Tổng thống Jimmy Carter ký ban hành luật cho phép phân đất nói trên được sử dụng để thiết lập đài tưởng niệm những cựu chiến binh Mỹ đã chiến đấu tại VN. Một vùng đất tọa lạc trong National Mall , một vùng đất thoáng đãng nằm giữa tòa nhà Quốc hội và tòa Bạch ốc, cũng là nơi có những tượng đài kỷ niệm của Washington, Jefferson và Lincoln.

Bây giờ những cựu chiến binh mới thực sự tiếp tục hành trình. Mọi người trên khắp Hoa kỳ đều góp tay vào quỹ . Họ muốn làm một cái gì đó để xóa đi một khoảng thời gian kinh khiếp cho Hoa kỳ. Họ cảm thấy những người lính chiến đấu tại VN phải được ghi nhớ. Đây mới chính là cách tốt nhất để quên đi cuộc chiến. Đài tưởng niệm đã hơn bao giờ hết không còn là giấc mơ của một thiểu số cựu chiến binh mà là mục đích của toàn thể người Mỹ từ bờ biển Thái bình dương đến Đại tây dương.

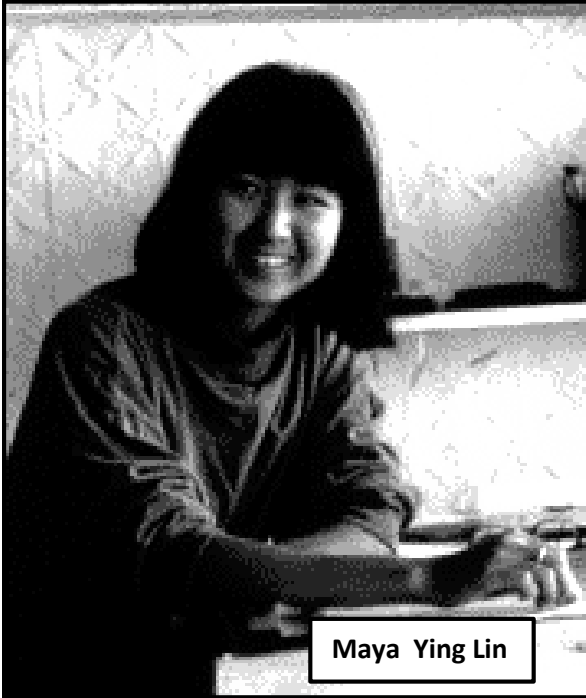
TUYỂN CHỌN

Những cựu binh quyết định mở một cuộc tuyển chọn trên toàn nước Mỹ. Họ chọn những nghệ sĩ và những nhà xây dựng vào ban giám khảo. Mọi người trên 18 tuổi đều có quyền gửi bản vẽ dự thi .Ý kiến tiên khởi của Jan sẽ không bị quên đi. Đó là nguyên tắc quan trọng số một : ***Đài tưởng niệm bắt buộc phải có tên của những nam, nữ quân nhân Hoa kỳ đã chết hay mất tích trong cuộc chiến.***

Ngày 31/3/1981, ban giám khảo đã nhận được 1.421 bản vẽ gửi đến dự thi. Số lượng nhiều quá đến nỗi họ không thể sắp xếp trong một căn phòng bình thường mà phải đem đặt nhờ trong một hangar chứa máy bay. Rồi họ xem xét tất cả. Để cho công bình, các vị giám khảo chỉ đặt số trên bản vẽ chứ không đề tên. Cái cách mà các vị không cần biết tên của nghệ sĩ đó là ai. Họ không có gì trở ngại trong việc chọn lựa. Cuối cùng các vị giám khảo đều đồng ý. Bản vẽ tốt nhất nằm ở số 1.026. Ai là người đã thắng giải đây ? Một nghệ sĩ có tiếng tăm chăng ? Một

người đã vẽ nhiều tượng đài trước đây chẳng ?

Không phải đâu ! Người trúng giải là một sinh viên đại học , một cô gái tuổi tròn 21 hoàn toàn xa lạ. Cô ta sáng tạo bản vẽ đài tưởng niệm như là một bài tập ở trường. Cô chưa bao giờ mơ ước mình là người thắng giải. Tên cô gái là **Maya Ying Lin**. Cô ta là một người Mỹ gốc Trung hoa. Ba cô ấy tên **Henry Lin** , một giáo sư mỹ thuật tại đại học Ohio và mẹ cô tên **Julia Chang Lin** cũng là một giáo sư Anh văn và



Văn chương Đông phương tại đại học Ohio.

Maya sinh ngày 5 tháng 10 năm 1959 tại thành phố Athens, tiểu bang Ohio trong một gia đình kiến trúc và điêu khắc nổi tiếng. Họ đã đến tị nạn tại Mỹ vào cuối thập niên 1940. Cô ta không biết gì về chiến tranh tại VN. Cô ta là một em bé khi Hoa kỳ tham gia vào cuộc chiến. Làm thế nào cô ta đã sáng tạo một tác phẩm đoạt giải này ? Maya nói cô ta đã đến

viêng địa điểm ở Washington D. C., nơi người ta dự trù sẽ xây dựng đài tưởng niệm. Cô đứng ở đây, trong một công viên cỏ xanh vào một ngày tháng 11 có nhiều mây xám. Cô suy nghĩ người ta đã phải làm thế nào để nhớ về người thân của mình đã mất trong cuộc chiến. Một ý tưởng chợt đến với cô. Cô muốn lòng đất phía trước được cắt mở ra. Cô tưởng tượng đến một bức tường đá đen đứng sừng sững giữa một thế giới đầy ánh nắng và một thế giới đầy bóng tối ngăn cách mà người sống không bao giờ có thể đi vào trong đó. Một bức tường đá đen với đầy đủ những danh tánh trên đó.

Những vị giám khảo rất bằng lòng với sự lựa chọn của họ. Tuy

nhiên không phải ai cũng đồng ý kiến . Một số cựu chiến binh và vài hội đoàn tư nhân không đồng ý và chống lại. Họ cho rằng bức tường như là một vết thương đáng xấu hổ và buồn phiền. Họ mong muốn được nhìn thấy một bức tượng của những người lính chiến đang xông pha ngoài chiến trận , giống như một trong những bức tượng nổi danh tôn vinh những người lính trong Đệ II Thế chiến. Nhưng đa số vẫn thích bức tường đá đen hơn. Một trong những người này là vị tướng bốn sao Willam C. Westmoreland, cựu Tư lệnh quân đội Mỹ tham chiến tại Việt Nam.

Cuộc tranh cãi kéo dài cả năm về bản vẽ của tượng đài cho đến khi có sự thỏa thuận về sự sắp đặt thêm vào đó một bức tượng, một lá cờ và một huy hiệu trong một toàn cảnh gồm năm chiến binh ở lối vào của đài tưởng niệm khoảng 150 feet . Với sự đặt để này những người chống đối hình như bằng lòng hơn và dễ chấp nhận tượng đài hơn.

Và bây giờ thì tượng đài bắt đầu khởi công.

Công nhân xây dựng, chuyên viên kỹ thuật và thợ trồng cây cỏ, bắt đầu công việc vào ngày 16 tháng 3 năm 1982. Tám tháng sau, vào ngày 13/11/1982, ngày lễ Veterans Day vào cuối tuần, Đài tưởng niệm được khánh thành trước sự hiện diện của khoảng 150.000 người . Họ đã sắp xếp chương trình như thế nào để được hiện diện trong khu vực đặc biệt này trong cái ngày đáng ghi nhớ . Những người cựu chiến binh chiến đấu tại chiến trường VN, một lần đã chịu xấu hổ hay buồn phiền hay cay đắng, chen chúc trên xe buýt, xe lửa hay máy bay , đang hướng về Thủ đô Washington. Họ hội tụ tại đây những bậc cha mẹ mất con, những người chị mất em, và những người bạn mất đi những người bạn. Họ đây ập ở khách sạn và lữ điếm của Washington D. C., ngay cả những nhà tư, công viên, những khu vực dành cho xe hơi và những khu dành cho loại xe giải trí cũng đông nghẹt.. Khách viếng mang đến những bó hoa, những bức ảnh, những lá thư và những quà tặng khác để đọc theo những tên của những người lính đã mất. Sự chiến đấu đầy hào hùng của những cựu chiến binh đã một lần bị quên đi nay vĩnh viễn được tôn vinh với tận cùng của sự tưởng nhớ đáng tôn trọng này.

XÂY DỰNG.

Bản vẽ của đài tưởng niệm được đơn giản đến mức tối đa. Đó chỉ là hai tấm bảng hình tam giác giao nhau ở góc bẹt 125 độ 12 phút. Chiều dài của bức tường là 246,75 feet (134,025 m). Có cả thảy 140 tấm bảng (panels) với móng đào sâu 35 feet (1,05m). Chỗ cao nhất của bức tường là 10,1 feet (3,03m). Gần 60.000 tên của những MIA và POW (Missing in Action & Prisoner of War), và những người lính đã chết trong cuộc chiến tại VN, được khắc lên những tấm bảng đá. Kể từ khi đài tưởng niệm được khánh thành, có nhiều danh sách được thêm vào hoặc thay đổi. Nguyên thủy bức tường chỉ có 57.939 tên. Bây giờ thì bức tường đã có hơn 58.000 tên. Mục đích của đài tưởng niệm cũng là một sự đơn giản. Nó như phản ảnh, nhắc nhở lại đời sống của những người đã chết qua những cái tên đang hiện diện trước mắt họ. Những cái tên mang nhiều ý nghĩa chứ không phải là bức tường.

Bộ Quốc Phòng đã xác nhận danh tánh được sắp xếp trên bức tường căn cứ vào những sự vụ lịnh được ký từ Tổng thống L.B. Johnson và R. Nixon. Những lịnh chỉ định này ấn định những vùng chiến đấu như tại VN, Hải ngoại, sau này có cả Lào và Cambodia. Riêng những người đã chết vì căn bệnh do chất độc màu da cam hay hậu quả của những xúc động dẫn đến hành động tự sát, đều không được đưa lên bức tường.

Ngày 16/3/1982 công nhân bắt đầu chuẩn bị mặt bằng cho công trình. Đào bới đất bắt tay hôm 26/3/1982. Công ty xây dựng Gilbane Building Company nhận lãnh toàn bộ công trình. Hãng thiết kế Cooper- Lecker Partnership giám sát. Bước đầu là mở móng cho bức tường. Một tam giác được đào sâu 10 feet, ngang 250 feet, dài khoảng 500 feet.

Theo bản vẽ, Maya Lin muốn bức tường được làm bằng đá granite đen thuần túy. Tuy nhiên số lượng lớn đá granite này khó tìm đủ ở Hoa kỳ. Chỉ có ba nơi trên thế giới sản xuất khối lượng lớn đá granite đen này là Ấn độ, Thụy điển và Nam phi. Đá granite đen dùng cho bức tường, lẽ an toàn và những lối đi được mang về từ Bangalore, Ấn độ. Một khi đá được mang đến, người ta đem giao cho xưởng Barre ở Vermont. Tại đây thợ đá cắt ra và thi công. Màu sắc được thay đổi nhạt hơn. Cách cấu trúc những tấm bảng chữ, những lề đường và những lối đi là kết quả của những kỹ thuật mài dũa đá, định hình theo những khuôn mẫu khác nhau.

Bức tường không phải được làm liên tục mà phải chia theo từng công đoạn. Công nhân phải cắt riêng rẽ từng 148 tấm bảng theo thứ tự kích cỡ khác nhau. Những tấm bảng chia ra tương tự 2/4 hay 3/4 inches theo chiều dày và 40 inches rộng. Tuy nhiên một vài tấm bảng cao hơn những tấm khác theo sự sắp xếp trong bức tường. Chiều cao của những tấm bảng được sắp xếp từ từ 8 inches đến 10 feet + 1 inch. Sự cấu trúc từng đoạn một của bức tường cho phép những tên được khắc lên bề mặt



Tượng Đài

đương bản bề mặt dày dẹt. Đá granite khi đã mài nhẵn được phết lên một chất lỏng dễ bắt ánh sáng. Một phương cách tương tự cũng được dùng để chuyên đổi toàn bề mặt của đá. Một khi công đoạn này đã hoàn tất, phần đá trong vùng được khắc chữ và mặt bằng giữ lại được bảo vệ bởi lớp dễ bắt ánh sáng. Những chữ chiếm bề mặt 0.53 inches và được khắc sâu khoảng 0.015 inches. Chữ có màu xám nhạt, màu sắc tự nhiên của đá đã đục, làm rõ nét tương phản với mặt đá đã mài nhẵn, khiến cho cái tên đọc được rất dễ dàng. Mẫu chữ đầu tiên do hãng Binswanger Glasscraft Products, và những tên được thêm vào sau này do hãng Great

Panes Glasswork , Incorporated thực hiện với sự cộng tác của Cooper-Lecky Architects.

Một khi những tấm panel đã hoàn tất, người ta đem đặt chúng vào những vị trí đã đúc sẵn. Những lề đường và những lối đi đã làm xong, và những người trồng cỏ và hoa xây dựng những mặt bằng chung quanh để cung cấp cho khách đến viếng một khoảng không gian để suy tư và ngưỡng mộ. Tất cả những chi tiết của đài tưởng niệm đã kết thúc và sẵn sàng cho ngày khánh thành. Công trình được hoàn tất vào cuối tháng Mười, và bức tường đã được khánh thành theo đúng chương trình vào ngày cuối tuần của ngày lễ Veteran Day.

SỰ CẢM THÔNG VÀ HÀN GẮN.

Mặc dầu bản vẽ khá đơn giản, nhưng Đài tưởng niệm chuyên chở nhiều giá trị về chủ nghĩa anh hùng, niềm suy tưởng và sự hài hòa. Bạn hãy tưởng tượng như mình đang bước vào một không gian yên tĩnh, khuất nẻo với những huyền ảo chung quanh . Những con đường, những phó phường như biến mất chỉ còn lại một mình bạn với bức tường và những dòng tên họ trên đó. Rồi bạn đi qua chỗ giao điểm và lần theo con đường đi lên, bỗng dưng bạn như cảm thấy trở lại cái thế giới đầy tiếng động và ánh sáng sau những giây phút suy tư. Ở cái dãy tường thấp, những danh tánh cũng đang chế ngự mọi điều.. Tên của người lính đầu tiên đã chết được khắc ở cái góc của bức tường, rồi những tên khác kế tiếp tiến về phía bên phải thành từng cột theo thứ tự ngày chết, đến tận cùng bờ phía đông nơi bức tường mờ nhạt dần trong bờ đất. Rồi những cái tên bắt đầu trở lại, với những người lính tử trận kế tiếp, ở tận bờ phía tây, nơi bức tường như vừa đột ngột vươn ra khỏi lòng đất.

Sự sắp xếp vị trí của đài tưởng niệm đã mang một ý nghĩa. Không giống như hầu hết những đài tưởng niệm ở Washington D.C., Đài tưởng niệm không đặt trên mặt đất nhưng nó cắt sâu xuống lòng đất như một vết cắt sâu, một cái sẹo của mất mát và chết chóc. Maya Lin đã nói :

“ Tôi nghĩ đến nỗi đau thương mất mát với thời gian khó mà chữa lành được. Nó đã trở thành một cái sẹo mất rồi . Ý nghĩ này chợt đến với tôi lúc đó. Thử nghĩ nếu ta cầm một con dao và xẻ một rãnh dọc trong lòng đất. Với thời gian, cỏ sẽ mọc trở lại. Cũng như ta xẻ một vết

cắt trên đá rồi mài chỗ đó đi..Trong lòng tôi đã có một sự thôi thúc cao độ là phải cắt mở phần đất đó ra..Vết thương trầm trọng đó với thời gian rồi nó sẽ khép miệng. Cỏ xanh rồi sẽ mọc lên, nhưng vết cắt vẫn còn đó, nguyên vẹn và rõ nét như viên đá hoa cương (geode) khi người ta cắt và mài nhẵn..Tôi chọn loại đá granite đen để làm bề mặt cho suy tưởng và yên bình.”



Tên trên tượng đài

Đài tưởng niệm được chọn ở một địa điểm để suy tư, một nơi mà người đến viếng có thể nhớ lại những ngày bi thảm cũng như những lúc hào hùng của cuộc chiến. Nó cho phép người ta được một lúc nào đó tìm về với những ký ức, những cái tên trên bức tường và những cảm xúc của cảnh vật chung quanh. Người ta không những chỉ thấy những cái tên, mà người ta còn có thể nhìn thấy cả chính mình, và cảnh vật chung quanh. Họ đã trở nên một phần của bức tường, một phần của lịch sử

quốc gia này. Người ta càng nhìn, người ta càng thấy nhiều hơn. Bức tường đá đen đã phản chiếu những khuôn mặt, những bãi cỏ, những chiếc lá rơi và bầu trời màu xanh lơ. Bức tường không mang ý nghĩa của một điều gì phân cách nhưng đó là một cái gì để cảm thông và hàn gắn. Trong ý nghĩa đó, người ta phải biết chấp nhận sự thật và phải đối diện với sự hiện thực của chính mình.

Khi nhìn những tên họ trên bức tường, làm thế nào để người ta phân biệt với những tên họ của người khác. Làm thế nào để biết cái tên

Thomas Smiths của gia đình này khác với cái tên Thomas Smiths của mười bốn gia đình khác. Những cái tên sẽ chẳng mang một ý nghĩa nào nếu 58.939 cái tên được sắp theo thứ tự abc. Những câu chuyện và những hành trình của những người mang những cái tên đó sẽ chìm sâu vào biển quên lãng. Maya Lin đã cảm nhận được những bất hạnh đó và muốn mang lại một đời sống cho những tên gọi bằng cách sắp chúng theo thứ tự ngày tháng mà những người lính đã nằm xuống. Cho dù phương pháp này có làm cho người ta mất thì giờ hơn nhưng nó làm cho người chết có một cái gì có ý nghĩa và đặc biệt hơn những cái tên khác trên bức tường. Cái ngày người lính nằm xuống đã nói lên ý nghĩa của những biến cố đã xảy ra và cũng có thể dùng để giải thích tại sao và họ đã chết như thế nào. Có cả thấy 1170 cái dấu để giúp người ta tìm một cái tên giữa những tám panel vĩ đại đó. Mỗi cái chạm đánh dấu 10 giờng và nằm trên những tám panel mang số chẵn.

Bức tường không chỉ nhắc nhở đến danh tánh của từng cá nhân mà còn tiêu bang của người đó nữa. Những dấu hình thoi và những dấu cộng được khắc bên cạnh mỗi tên gọi để chỉ định người đó được xác nhận là đã chết hay vẫn còn mất tích. Những hình thoi xác nhận người đó đã chết. Những dấu chữ thập giống như dấu cộng cho biết người đó vẫn còn mất tích và không có được một thông tin nào, và dấu hiệu đó không mang một dấu hiệu tôn giáo nào cả. Cái dấu cộng cũng dễ dàng sửa lại thành dấu hình thoi, nếu như một người được tuyên bố là đã chết sau một thời gian mất tích. Trong trường hợp một người bị mất tích được trở về nhà, thì một vòng tròn sẽ bao quanh cái dấu cộng. Nhưng đến bây giờ thì chưa thấy một vòng tròn nào được xuất hiện trên bức tường.

Cuối cùng thì bức tường đã trở thành một biểu tượng có tính cách quốc tế về sự cảm thông. Và trang sử của những chiến binh trong trận chiến tại Việt nam và gia đình của họ đã đóng lại. Những giá trị, cũng như những sự nhức nhối, buồn phiền, mong đợi và những giọt nước mắt tất cả đều đọng lại trên bức tường. Cái biến cố đó một lần phủ một màu đen lên lịch sử của Hiệp chủng quốc Hoa kỳ bây giờ đã được mang lại bằng sự công nhận và biết ơn của toàn thế giới.

Từ cái lúc mà ý tưởng đầu tiên được manh nha đến một công trình trên nền móng vững chắc ngày nay, bức tường đã trở thành một biểu tượng trân quý của sự cống hiến và lòng hào hiệp của những nam

nữ quân nhân Hoa kỳ đã tận hiến cho tổ quốc mà không đạt một điều kiện nào cả.

Những người đã chết và những người hiện còn mất tích trong cuộc chiến tại Việt nam sẽ mãi mãi sống trong tim của những người sống sót và giữa lòng của khu vườn Washington Constitution này.

